

DANH MỤC CÁC HỌC PHẦN DỰ KIẾN TỔ CHỨC
HỌC KỲ 2 - NĂM HỌC: 2025 – 2026

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
1	CTE305	Âm nhạc đại cương	2	
2	INT4981	An toàn mạng không dây và di động	3	
3	INT325	An toàn mạng máy tính	3	
4	BIO313	An toàn sinh học và quản lý phòng thí nghiệm/phòng thực hành	2	
5	ECO507	An toàn và bảo mật thông tin trong TMĐT	3	
6	COE410	Anh văn chuyên ngành Kỹ thuật xây dựng	2	
7	TRA408	Bán và tiếp thị trong lữ hành	3	
8	HOS318	Báo cáo chuyên đề 1	1	
9	HOS453	Báo cáo chuyên đề 2	1	
10	CHI340	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1	
11	FIN405	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1	
12	FRE315	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1	
13	HOS452	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	3	
14	MMC303	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1	
15	PUR311	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1	
16	SOC414	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1	
17	TRA409	Báo cáo chuyên đề thực tiễn	1	
18	BUS410	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - KDTM	1	
19	MAR404	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - Marketing	1	
20	MAN404	Báo cáo chuyên đề thực tiễn - QTKD	1	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
21	ECO325	Báo cáo chuyên đề thực tiễn Kinh tế	1	
22	LOG407	Báo cáo chuyên đề thực tiễn Logistics và QLCCU	1	
23	FOT404	Báo cáo chuyên đề thực tiễn nghề nghiệp của các DN	1	
24	ART378	Báo cáo chuyên đề thực tiễn Piano	1	
25	ART339	Báo cáo chuyên đề thực tiễn Thanh nhạc	1	
26	ECO415	Báo cáo chuyên đề thực tiễn TMĐT	1	
27	FIN432	Bảo hiểm	3	
28	BUS411	Bảo hiểm trong kinh doanh	3	
29	INT4409	Bảo mật web và ứng dụng	3	
30	ENG401	Biên dịch nâng cao	3	
31	ENG412	Biên dịch thương mại 1	3	
32	MMC405	Biên kịch phim ngắn	2	
33	ENG494	Biên phiên dịch - Intermediate	2	
34	GRA422	Biên tập phim (Premiere)	3	
35	ART201	Biểu diễn âm nhạc và khiêu vũ	3	
36	ART377	Biểu diễn ban nhạc	2	
37	PSY416	Các giá trị sống và kỹ năng sống	3	
38	PSY417	Các liệu pháp trị liệu tâm lý	3	
39	TOU323	Các nền văn minh cổ ở Việt Nam	2	
40	VIE404	Các thể loại văn học trung đại Việt Nam	3	
41	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại	3	
42	COE305	Cấu tạo kiến trúc	3	
43	INT321	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	
44	NUR436	Chăm sóc bệnh nhân cấp cứu và điều trị tích cực	2	
45	NUR509	Chăm sóc bệnh nhân cấp cứu và điều trị tích cực nâng cao	2	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
46	NUR505	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng nâng cao	2	
47	NUR507	Chăm sóc sức khỏe người mắc bệnh truyền nhiễm nâng cao	2	
48	NUR438	Chăm sóc sức khỏe người trưởng thành có bệnh lý nền ngoại khoa	2	
49	NUR434	Chăm sóc sức khỏe người trưởng thành có bệnh lý nền nội khoa	2	
50	PSY302	Chẩn đoán tâm lý	3	
51	ECO419	Chiến lược kinh doanh thương mại điện tử	2	
52	ENG402	Chiến thuật giao tiếp quốc tế	3	
53	BUS413	Chính sách ngoại thương	3	
54	POL107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
55	BUS414	Chuỗi cung ứng trong kinh doanh quốc tế	3	
56	GRA511	Chuyên đề 1: Branding - Minh họa các sản phẩm đồ họa cho thương hiệu (bộ nhận diện thương hiệu)	6	
57	INT511	Chuyên đề 1: Hệ sinh thái Hệ thống thông tin doanh nghiệp	6	
58	INT512	Chuyên đề 1: Hệ thống an toàn bảo mật thông tin doanh nghiệp	6	
59	INT513	Chuyên đề 1: Khai thác hệ cơ sở dữ liệu	6	
60	INT514	Chuyên đề 1: Xây dựng hệ thống mạng cho doanh nghiệp	6	
61	GRA512	Chuyên đề 2: UX/UI - Xây dựng giao diện Web/App (Thiết kế giao diện)	6	
62	INT515	Chuyên đề 2: Xây dựng dịch vụ mạng cho doanh nghiệp	6	
63	INT516	Chuyên đề 2: Xây dựng phát triển hệ thống thông tin	6	
64	INT517	Chuyên đề 2: Xây dựng phát triển phần mềm (Web/App/Mobile)	6	
65	INT518	Chuyên đề 2: Xử lý sự cố an toàn thông tin doanh nghiệp	6	
66	ECO418	Chuyên đề Dữ liệu lớn	2	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
67	ORI401	Chuyên đề Hàn Quốc học	3	
68	COE309	Cơ học kết cấu	3	
69	COE307	Cơ học lý thuyết	3	
70	INT303	Cơ sở dữ liệu	3	
71	INT323	Cơ sở dữ liệu	4	
72	LIT426	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông	2	
73	GRA401	Cơ sở thiết kế đồ họa	2	
74	FOT447	Cơ sở thiết kế nhà máy thực phẩm và thực hành	3	
75	INT4121	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	3	
76	FOT437	Công nghệ chế biến chất béo	2	
77	FOT424	Công nghệ chế biến chè, cà phê, ca cao	2	
78	FOT440	Công nghệ chế biến lương thực	3	
79	FOT438	Công nghệ chế biến rau quả	3	
80	FOT426	Công nghệ chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	3	
81	FOT448	Công nghệ chế biến thực phẩm	3	
82	BIO453	Công nghệ di truyền	3	
83	BIO454	Công nghệ di truyền trong sản xuất nông nghiệp và ứng dụng	3	
84	BIO448	Công nghệ Enzyme	2	
85	BIO455	Công nghệ lên men thực phẩm	3	
86	INT4561	Công nghệ mạng viễn thông	3	
87	INT4661	Công nghệ phần mềm	3	
88	FOT449	Công nghệ sản xuất đường, bánh kẹo	3	
89	CTE417	Công nghệ sản xuất hình ảnh 1	3	
90	BIO456	Công nghệ sản xuất phân bón sinh học và ứng dụng	3	
91	BIO316	Công nghệ sinh học đại cương và ứng dụng	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
92	BIO457	Công nghệ sinh học trong chọn giống thủy sản và ứng dụng	3	
93	BIO421	Công nghiệp công nghệ sinh học	2	
94	ART558	CTTN Piano (chương trình biểu diễn)	9	
95	ART559	CTTN Thanh nhạc (chương trình biểu diễn)	9	
96	BIO304	Đa dạng sinh học	2	
97	HOS413	Đại cương khu du lịch	3	
98	TOU311	Đại cương lịch sử Việt Nam	3	
99	BUS438	Đàm phán trong kinh doanh	3	
100	ENG530	Đánh giá bản dịch	3	
101	FOT452	Đánh giá chất lượng cảm quan thực phẩm	3	
102	HOS414	Đánh giá chất lượng dịch vụ trong khách sạn - nhà hàng	3	
103	HUR404	Đánh giá và phát triển nhân viên	3	
104	BUS302	Đạo đức trong kinh doanh	3	
105	ENG535	Đạo đức trong kinh doanh	3	
106	JAP423	Đất nước học Nhật Bản	2	
107	INT552	ĐATN Hệ thống thông tin	12	
108	ELE539	ĐATN Kỹ thuật điện tử - viễn thông	12	
109	INT504	ĐATN Kỹ thuật phần mềm	12	
110	MMC502	ĐATN Truyền thông đa phương tiện	12	
111	FIN447	Đầu tư tài chính	3	
112	INT201	ĐC về Công nghệ thông tin và Truyền thông	3	
113	TRA446	Di sản văn hóa Việt Nam	3	
114	BIO301	Di truyền học đại cương	3	
115	KOR320	Địa lý dân cư và kinh tế Hàn Quốc	2	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
116	TOU301	Địa lý du lịch Việt Nam	3	
117	ORI308	Địa lý và dân cư Trung Quốc	2	
118	HOS411	Dịch vụ chăm sóc khách hàng	2	
119	HOS410	Dịch vụ cung cấp tiệc bên ngoài	3	
120	VIE429	Điện ảnh Việt Nam	3	
121	INT4131	Điện toán đám mây	3	
122	INT4132	Điện toán đám mây cho hệ thống IoT	2	
123	ELE337	Điện tử tương tự	4	
124	LOG414	Điều độ trong chuỗi cung ứng	3	
125	NUR430	Điều dưỡng cơ bản 2	2	
126	PUR307	Điều tra xã hội học	2	
127	HUR405	Định mức và tổ chức lao động khoa học	3	
128	INT4414	Đồ án chuyên ngành An toàn thông tin	3	
129	INT414	Đồ án chuyên ngành Hệ thống thông tin	2	
130	INT484	Đồ án chuyên ngành Khoa học máy tính	2	
131	ELE422	Đồ án chuyên ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông	2	
132	INT4417	Đồ án chuyên ngành Mạng máy tính và truyền thông	3	
133	ELE305	Đồ án cơ sở Kỹ thuật điện tử - viễn thông	2	
134	GRA407	Đồ họa dàn trang (Indesign)	3	
135	GRA414	Đồ họa động (After Effects)	3	
136	ELE334	Đo lường và thiết bị đo	3	
137	FRE312	Đọc - viết 1	3	
138	FRE512	Đọc - viết nâng cao	3	
139	HOS440	Du lịch MICE	2	
140	NUR413	Dược lý học	2	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
141	MAR405	E - Marketing	3	
142	PHT123	GDTC 1 - Bơi lội sơ cấp	1	
143	PHT121	GDTC 1 - Bóng chuyền sơ cấp	1	
144	PHT120	GDTC 1 - Bóng đá sơ cấp	1	
145	PHT122	GDTC 1 - Bóng rổ sơ cấp	1	
146	PHT125	GDTC 1 - Cờ vua sơ cấp	1	
147	PHT124	GDTC 1 - Gym (Thể hình) sơ cấp	1	
148	PHT106	GDTC 1 - Võ thuật sơ cấp	1	
149	PHT110	GDTC 2 - Bơi lội cơ bản	1	
150	PHT108	GDTC 2 - Bóng chuyền cơ bản	1	
151	PHT107	GDTC 2 - Bóng đá cơ bản	1	
152	PHT109	GDTC 2 - Bóng rổ cơ bản	1	
153	PHT112	GDTC 2 - Cờ vua cơ bản	1	
154	PHT111	GDTC 2 - Gym (Thể hình) cơ bản	1	
155	PHT119	GDTC 2 - Võ thuật cơ bản	1	
156	PHT116	GDTC 3 - Bơi lội nâng cao	1	
157	PHT114	GDTC 3 - Bóng chuyền nâng cao	1	
158	PHT113	GDTC 3 - Bóng đá nâng cao	1	
159	PHT115	GDTC 3 - Bóng rổ nâng cao	1	
160	PHT118	GDTC 3 - Cờ vua nâng cao	1	
161	PHT117	GDTC 3 - Gym (Thể hình) nâng cao	1	
162	PHT126	GDTC 3 - Võ thuật nâng cao	1	
163	NUR303	Giải phẫu	2	
164	MAR438	Giải trí và truyền thông	3	
165	ART402	Giảng dạy âm nhạc 2	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
166	PSY418	Giáo dục gia đình và giáo dục trẻ cá biệt	3	
167	PSY303	Giáo dục học đại cương	2	
168	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa	3	
169	CHI423	Giao tiếp thương mại cơ bản	3	
170	CHI424	Giao tiếp thương mại nâng cao	3	
171	HOS415	Giao tiếp trong kinh doanh du lịch	3	
172	LIT325	Hán Nôm cơ bản	3	
173	ORI307	Hán tự học tổng hợp	3	
174	BUS416	Hành vi khách hàng	3	
175	BUS417	Hành vi tổ chức	3	
176	INT416	Hệ điều hành	2	
177	INT4403	Hệ điều hành Linux	3	
178	ELE333	Hệ điều hành nhúng	2	
179	INT4408	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	
180	ELE403	Hệ thống IoT	3	
181	ACC404	Hệ thống thông tin kế toán	3	
182	LOG416	Hệ thống thông tin Logistics và QLCCU	3	
183	INT4031	Hệ thống thông tin quản lý	3	
184	CTE415	Hiệu ứng kỹ xảo hình ảnh	2	
185	GRA418	Hình họa	3	
186	ENG341	Hình thái - Cú pháp học	2	
187	ART371	Hòa âm 1	2	
188	ART373	Hòa âm 2	2	
189	NAS205	Hóa học đại cương	2	
190	FOT317	Hóa sinh thực phẩm và ứng dụng	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
191	ART420	Hòa tấu 1	2	
192	TRA415	Hoạt náo	3	
193	SOS304	Hội nhập Châu Á - Thái Bình Dương	3	
194	FRE513	Hội nhập nghề nghiệp	2	
195	ART423	Hợp xướng 2	2	
196	PSY419	Hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông	3	
197	MAR431	Kế hoạch truyền thông Marketing	3	
198	ACC438	Kế toán chi phí	3	
199	LAW507	Kế toán doanh nghiệp và pháp luật về chứng từ kế toán	3	
200	ACC406	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	
201	ACC407	Kế toán Mỹ	3	
202	ACC425	Kế toán ngân hàng	3	
203	ACC409	Kế toán quản trị	3	
204	ACC435	Kế toán tài chính	3	
205	ACC437	Kế toán tài chính chuyên sâu	3	
206	ACC436	Kế toán tài chính nâng cao	3	
207	ACC431	Kế toán xuất nhập khẩu	3	
208	INT4181	Khai phá dữ liệu	3	
209	LOG419	Khai thác dữ liệu trong Logistics và QLCCU	3	
210	ECO506	Kho dữ liệu và OLAP	3	
211	BUS419	Khởi nghiệp kinh doanh	3	
212	FOT454	Kiểm nghiệm vi sinh thực phẩm	3	
213	NUR432	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	
214	ACC440	Kiểm soát nội bộ	3	
215	INT4741	Kiểm thử phần mềm	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
216	ACC441	Kiểm toán báo cáo tài chính	3	
217	ACC412	Kiểm toán căn bản	3	
218	ACC413	Kiểm toán nâng cao	3	
219	AUD402	Kiểm toán thực hành	3	
220	ENG497	Kiểm tra đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh	3	
221	ACC421	Kiến tập chuyên ngành kế toán	1	
222	AUD303	Kiến tập chuyên ngành Kiểm toán	1	
223	COE311	Kiến trúc công trình	3	
224	INT304	Kiến trúc máy tính	2	
225	TRA416	Kiến trúc và mỹ thuật Việt Nam	3	
226	BUS418	Kinh doanh quốc tế	3	
227	POL106	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	
228	ECO318	Kinh tế công	3	
229	HOS416	Kinh tế du lịch khách sạn	3	
230	ECO201	Kinh tế học đại cương	3	
231	ECO302	Kinh tế lượng	3	
232	ECO321	Kinh tế môi trường	3	
233	ECO322	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn	3	
234	ECO319	Kinh tế phát triển	3	
235	ECO320	Kinh tế quốc tế	3	
236	ECO303	Kinh tế vi mô	3	
237	ECO304	Kinh tế vĩ mô	3	
238	ECO316	Kinh tế vi mô nâng cao	3	
239	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3	
240	BIO502	KLTN Công nghệ sinh học	12	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
241	INT587	KLTN Công nghệ thông tin	12	
242	FOT502	KLTN Công nghệ thực phẩm	12	
243	NUR502	KLTN Điều dưỡng	12	
244	ORI502	KLTN Đông phương học	12	
245	TOU504	KLTN Du lịch	12	
246	ACC524	KLTN Kế toán	12	
247	INT588	KLTN Khoa học máy tính	12	
248	BUS538	KLTN Kinh doanh thương mại	12	
249	ECO511	KLTN Kinh tế	12	
250	LOG502	KLTN Logistics và QLCCU	12	
251	LAW502	KLTN Luật	12	
252	MAR529	KLTN Marketing	12	
253	ENG515	KLTN Ngôn ngữ Anh	12	
254	JAP590	KLTN Ngôn ngữ Nhật	12	
255	FRE502	KLTN Ngôn ngữ Pháp	12	
256	CHI537	KLTN Ngôn ngữ Trung Quốc	12	
257	PUR521	KLTN Quan hệ công chúng	12	
258	TRA537	KLTN Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	12	
259	HOS536	KLTN Quản trị khách sạn	12	
260	MAN527	KLTN Quản trị kinh doanh	12	
261	HUR514	KLTN Quản trị nhân sự	12	
262	FIN538	KLTN Tài chính - Ngân hàng	12	
263	PSY546	KLTN Tâm lý học	12	
264	SOC543	KLTN Xã hội học	12	
265	LAW417	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
266	ENG484	Kỹ năng đối ngoại	2	
267	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng	3	
268	TRA437	Kỹ năng hướng dẫn viên du lịch	3	
269	VIE201	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt	3	
270	MMC418	Kỹ năng tác nghiệp báo chí	3	
271	ART425	Kỹ năng thị tấu	2	
272	ART426	Kỹ năng thị xướng	2	
273	LAW418	Kỹ năng tư vấn luật thuế	3	
274	LAW506	Kỹ năng tư vấn pháp luật và tranh tụng	3	
275	MMC407	Kỹ thuật Audio Video	3	
276	ART427	Kỹ thuật diễn viên	2	
277	MMC409	Kỹ thuật dựng phim	3	
278	CTE405	Kỹ thuật dựng phim 2	2	
279	CTE424	Kỹ thuật giải phóng hình thể	2	
280	ELE445	Kỹ thuật lập trình cho hệ thống nhúng	4	
281	CHI351	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3	
282	MMC408	Kỹ thuật quay phim	3	
283	ART379	Kỹ thuật sản xuất MV âm nhạc	2	
284	FOT442	Kỹ thuật sấy	3	
285	MAR434	Kỹ thuật SEO	3	
286	FOT303	Kỹ thuật thực phẩm 1	2	
287	FOT316	Kỹ thuật thực phẩm 2	4	
288	ELE330	Kỹ thuật vi điều khiển	4	
289	ART318	Kỹ xướng âm 2	3	
290	ART372	Kỹ xướng âm 4	2	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
291	ART351	Ký xướng âm 5	3	
292	ART362	Ký xướng âm 6	3	
293	BUS421	Lập kế hoạch kinh doanh	3	
294	INT324	Lập trình C++	3	
295	INT4404	Lập trình C++ nâng cao	3	
296	INT4406	Lập trình hướng đối tượng	3	
297	INT322	Lập trình Java	3	
298	INT4402	Lập trình Java nâng cao	3	
299	INT4861	Lập trình mạng	3	
300	INT4211	Lập trình trên các thiết bị di động	4	
301	INT422	Lập trình trên Windows	2	
302	INT4407	Lập trình web	3	
303	INT4241	Lập trình web nâng cao	3	
304	LAW421	Lập và quản lý dự án đầu tư	3	
305	INT4422	Lập trình Python cho Khoa học dữ liệu	3	
306	HOS301	Lễ tân và quản trị hoạt động lưu trú	3	
307	ART374	Lịch sử âm nhạc phương Tây	2	
308	ART227	Lịch sử âm nhạc phương Tây 2	2	
309	ART228	Lịch sử âm nhạc Việt Nam	2	
310	POL108	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	
311	CTE306	Lịch sử điện ảnh, truyền hình	2	
312	ART428	Lịch sử nghệ thuật chuyên ngành (Piano)	2	
313	ART429	Lịch sử nghệ thuật chuyên ngành (Thanh nhạc)	2	
314	INR304	Lịch sử quan hệ quốc tế	2	
315	SOS301	Lịch sử văn minh thế giới	2	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
316	VIE431	Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại	3	
317	SOC302	Lịch sử xã hội học	3	
318	JAP487	Lịch sử, văn hóa, xã hội Nhật Bản	2	
319	ELE326	Linh kiện điện tử	3	
320	PUR309	Logic học và tư duy phản biện	2	
321	CHI455	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	3	
322	LAW503	Luật an sinh xã hội	2	
323	LAW305	Luật công chứng và chứng thực	2	
324	LAW430	Luật dân sự	3	
325	LAW424	Luật dân sự và tổ tụng dân sự	3	
326	LAW413	Luật đất đai	3	
327	LAW404	Luật đầu tư	3	
328	LAW405	Luật doanh nghiệp	3	
329	TOU309	Luật du lịch	2	
330	LAW403	Luật hành chính và tổ tụng hành chính	3	
331	LAW304	Luật hiến pháp	2	
332	LAW401	Luật hình sự	3	
333	LAW432	Luật hôn nhân gia đình	2	
334	LAW414	Luật hợp đồng	3	
335	LAW426	Luật kinh tế	3	
336	PSY450	Luật lao động	3	
337	LAW408	Luật môi trường	3	
338	LAW433	Luật tài sản	3	
339	LAW423	Luật thương mại	3	
340	LAW409	Luật thương mại điện tử	2	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
341	LAW431	Luật tố tụng dân sự	3	
342	LAW402	Luật tố tụng hình sự	3	
343	CTE307	Luật về điện ảnh, truyền hình	2	
344	LAW436	Lý luận và pháp luật về quyền con người	2	
345	CHI442	Lý thuyết dịch	3	
346	ENG464	Lý thuyết dịch	3	
347	AUD401	Lý thuyết kiểm toán	3	
348	ECO426	Lý thuyết Kinh tế số	3	
349	INR401	Lý thuyết quan hệ quốc tế	2	
350	FIN301	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	
351	SOC303	Lý thuyết xã hội học	3	
352	ELE308	Mạch điện	3	
353	ELE325	Mạch điện tử 1	3	
354	ELE443	Mạng cảm biến không dây	2	
355	INT4401	Mạng máy tính	3	
356	MAR407	Marketing B2B - Marketing khách hàng tổ chức	3	
357	MAR201	Marketing căn bản	3	
358	MAR408	Marketing công nghiệp	3	
359	ECO326	Marketing địa phương	3	
360	MAR409	Marketing dịch vụ	3	
361	MAR410	Marketing dịch vụ - logistics	3	
362	MAR411	Marketing điện tử	3	
363	MMC401	Marketing kỹ thuật số và mạng xã hội	3	
364	MAR412	Marketing mối quan hệ	3	
365	MAR413	Marketing ngân hàng	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
366	MAR414	Marketing quốc tế	3	
367	MAR416	Marketing truyền thông xã hội	3	
368	INT4891	Mật mã học	3	
369	NUR411	Miễn dịch học	2	
370	NAS101	Môi trường và con người	3	
371	FIN450	Mua bán, sáp nhập doanh nghiệp (M&A)	3	
372	SOS206	Mỹ học đại cương	3	
373	FRE308	Nghe - nói 1	3	
374	FRE511	Nghe - nói nâng cao	3	
375	ENG331	Nghe - nói trong thương mại 1	2	
376	ENG332	Nghe - nói trong thương mại 2	2	
377	ENG333	Nghe - nói trong thương mại 3	2	
378	GRA419	Nghệ thuật chữ và trang trí	3	
379	ENG498	Nghệ thuật giao tiếp quốc tế	3	
380	MAN405	Nghệ thuật lãnh đạo	3	
381	MMC406	Nghệ thuật nhiếp ảnh	3	
382	ENG499	Nghệ thuật nói trước công chúng	3	
383	PUR439	Nghiên cứu thị trường	3	
384	LIT435	Nghiệp vụ biên tập và xuất bản	3	
385	HOS408	Nghiệp vụ buồng	3	
386	TRA302	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	
387	FIN408	Nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối	3	
388	FIN443	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	
389	PUR437	Nghiệp vụ ngoại giao	2	
390	FIN411	Nghiệp vụ ngoại thương	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
391	HOS417	Nghệp vụ nhà hàng	3	
392	HOS407	Nghệp vụ pha chế	3	
393	PSY421	Nghệp vụ quản trị nhân sự	3	
394	CTE413	Nghệp vụ quay phim 2	2	
395	LOG420	Nghệp vụ vận tải và giao nhận quốc tế	3	
396	ENG409	Ngoại giao đa phương tiện	3	
397	CUL301	Ngoại giao văn hóa	3	
398	SOS302	Ngôn ngữ học đại cương	3	
399	ENG482	Ngôn ngữ học so sánh - đối chiếu	3	
400	ELE401	Ngôn ngữ mô tả phần cứng	3	
401	FRE401	Ngữ âm	3	
402	CHI449	Ngữ âm học	3	
403	LIT326	Ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp tiếng Việt	3	
404	JAP431	Ngữ pháp học tiếng Nhật	2	
405	ACC202	Nguyên lý kế toán	3	
406	ENG480	Nguyên lý và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	3	
407	CTE411	Nhạc phim	2	
408	KOR326	Nhập môn biên phiên dịch tiếng Hàn	3	
409	INT306	Nhập môn ngành	2	
410	BUS303	Nhập môn ngành Kinh doanh quốc tế	2	
411	BUS304	Nhập môn ngành Kinh doanh thương mại	2	
412	ECO308	Nhập môn ngành Kinh tế	2	
413	LAW301	Nhập môn ngành Luật	2	
414	MAR302	Nhập môn ngành Marketing	2	
415	JAP303	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Nhật	2	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
416	MAN302	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh	2	
417	ECO305	Nhập môn ngành Thương mại điện tử	2	
418	ENG483	Nhập môn quan hệ quốc tế	3	
419	PSY449	Nhập môn trị liệu tâm lý	3	
420	PUR310	Nhập môn Truyền thông đại chúng	2	
421	GRA310	Nhiếp ảnh & Quay phim	3	
422	HOS418	Nhượng quyền thương mại	3	
423	BIO463	Nuôi cấy mô tế bào thực vật	3	
424	INT4051	Oracle	3	
425	ART239	Phân tích âm nhạc 2	3	
426	FIN412	Phân tích báo cáo tài chính	3	
427	ECO329	Phân tích chính sách	3	
428	ECO420	Phân tích dữ liệu cho marketing điện tử	3	
429	BUS425	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	
430	CTE406	Phân tích phim điện ảnh, truyền hình 1	2	
431	CTE308	Phân tích tâm lý khán giả	2	
432	INT4271	Phân tích thiết kế hệ thống	5	
433	FOT312	Phân tích thực phẩm	3	
434	ECO422	Phân tích và thiết kế hệ thống TMĐT	3	
435	LAW101	Pháp luật đại cương	3	
436	LAW505	Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	2	
437	LAW420	Pháp luật về cạnh tranh	2	
438	LAW435	Pháp luật về giao dịch đảm bảo	2	
439	LAW422	Pháp luật về hải quan và xuất nhập khẩu	3	
440	LAW406	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
441	LAW412	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	3	
442	LAW504	Pháp luật về thi hành án	2	
443	LAW434	Pháp luật về thừa kế	2	
444	LAW410	Pháp luật về thuế	3	
445	PUR421	Pháp luật về truyền thông	2	
446	ENG419	Phát âm	3	
447	ART442	Phát âm ngôn ngữ Pháp, Ý, Đức, Nga	2	
448	TOU302	Phát triển du lịch bền vững	2	
449	MAR429	Phát triển sản phẩm	3	
450	BIO317	Phát triển sản phẩm sinh học và thực phẩm	3	
451	ENG408	Phát triển tài liệu trong việc dạy ngôn ngữ	3	
452	GRA426	Phát triển ý tưởng sáng tạo	3	
453	ENG407	Phiên dịch nâng cao	3	
454	ENG421	Phiên dịch thương mại 1	3	
455	TRA406	Phương pháp đàm phán và ký kết hợp đồng du lịch	3	
456	LIT403	Phương pháp giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông	2	
457	ENG424	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1	3	
458	ENG423	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em	3	
459	SKL101	Phương pháp học đại học	3	
460	TOU412	Phương pháp luận & phương pháp nghiên cứu khoa học trong du lịch	3	
461	TOU408	Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học trong du lịch	3	
462	SOC452	Phương pháp nghiên cứu định lượng	4	
463	SOS303	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	
464	BUS305	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
465	BUS309	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh và quản lý	3	
466	BIO310	Phương pháp nghiên cứu, thống kê sinh học	2	
467	ART301	Phương pháp sáng tác âm nhạc ứng dụng	2	
468	ART443	Phương pháp sư phạm chuyên ngành (Piano)	2	
469	ART444	Phương pháp sư phạm chuyên ngành (Thanh nhạc)	2	
470	ART463	Phương pháp sư phạm chuyên ngành 1 (Thanh nhạc)	2	
471	ART464	Phương pháp sư phạm chuyên ngành 2 (Thanh nhạc)	2	
472	HOS419	Phương pháp xây dựng khẩu phần thực đơn	3	
473	ART431	Piano 2	3	
474	ART433	Piano 4	3	
475	ART435	Piano 6	3	
476	ART474	Piano phổ thông 1	2	
477	ART439	Piano phổ thông 2	1	
478	ART440	Piano phổ thông 3	1	
479	ART441	Piano phổ thông 4	1	
480	PUR445	PR nội bộ và PR cộng đồng	2	
481	TOU424	PR và truyền thông cho sự kiện	3	
482	PUR410	Quan hệ công chúng	3	
483	BUS426	Quan hệ kinh tế quốc tế	3	
484	SOS305	Quan hệ quốc tế	3	
485	INR407	Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á	2	
486	TOU303	Quản lý chất lượng dịch vụ	2	
487	FOT453	Quản lý chất lượng thực phẩm	2	
488	HOS420	Quản lý doanh thu và chi phí	3	
489	INT4771	Quản lý dự án phát triển phần mềm	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
490	MAR304	Quản lý sáng tạo	3	
491	MAN406	Quản trị bán hàng	3	
492	MAN407	Quản trị chăm sóc khách hàng	3	
493	MAN408	Quản trị chất lượng	3	
494	LOG417	Quản trị chi phí trong chuỗi cung ứng	3	
495	MAN409	Quản trị chiến lược	3	
496	HOS422	Quản trị chiến lược kinh doanh trong khách sạn - nhà hàng	3	
497	SUC408	Quản trị chuỗi cung ứng	3	
498	ECO423	Quản trị chuỗi cung ứng & Logistics	3	
499	HOS450	Quản trị đầu tư dự án khách sạn	3	
500	MAN410	Quản trị dịch vụ	3	
501	HOS302	Quản trị dịch vụ ăn uống	3	
502	HOS303	Quản trị dịch vụ buồng	2	
503	HOS423	Quản trị dịch vụ vui chơi giải trí và chăm sóc sức khỏe	3	
504	TRA421	Quản trị điểm đến	3	
505	MAN411	Quản trị doanh nghiệp	3	
506	MAN412	Quản trị dự án đầu tư	3	
507	TOU426	Quản trị dự án sự kiện du lịch	3	
508	ECO421	Quản trị dự án truyền thông	3	
509	MMC424	Quản trị dự án truyền thông đa phương tiện	3	
510	TRA419	Quản trị du lịch di sản	2	
511	INT327	Quản trị hệ thống mạng	3	
512	MAN201	Quản trị học	3	
513	SUC409	Quản trị kênh phân phối	3	
514	HOS424	Quản trị Khu du lịch	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
515	TRA443	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	
516	LOG401	Quản trị Logistics	3	
517	SUC410	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	3	
518	INT487	Quản trị mạng và hệ thống	2	
519	MAR418	Quản trị marketing	3	
520	MAR419	Quản trị marketing dịch vụ	3	
521	ECO315	Quản trị marketing trong thương mại điện tử	3	
522	FIN414	Quản trị ngân hàng thương mại	3	
523	ENG406	Quản trị nguồn nhân lực	3	
524	HOS425	Quản trị nguồn nhân lực trong khách sạn	2	
525	HUR408	Quản trị nhân sự	3	
526	ECO427	Quản trị nhân sự quốc tế	3	
527	MAN413	Quản trị quan hệ khách hàng	3	
528	FIN415	Quản trị rủi ro tài chính	3	
529	MAN414	Quản trị sản phẩm	3	
530	TRA312	Quản trị sự kiện	3	
531	BUS102	Quản trị sự thay đổi	3	
532	FIN417	Quản trị tài chính	3	
533	SUC411	Quản trị thu mua	3	
534	MAR420	Quản trị thương hiệu	3	
535	MAN416	Quản trị thương mại điện tử	3	
536	PUR412	Quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội	3	
537	MAN417	Quản trị trong môi trường đa văn hóa	3	
538	MAR421	Quản trị truyền thông marketing tích hợp	3	
539	MAN418	Quản trị vận hành	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
540	LOG413	Quản trị xếp dỡ	3	
541	MAR422	Quản trị xúc tiến và quảng cáo	3	
542	MAR403	Quảng cáo	2	
543	TRA424	Quy hoạch du lịch	3	
544	KOR454	Quy tắc giao tiếp tiếng Hàn	3	
545	ART472	Sản xuất âm nhạc 2	3	
546	MMC417	Sản xuất quảng cáo TVC và New media	3	
547	AQA403	Sinh học đại cương	3	
548	BIO309	Sinh học phân tử	3	
549	NUR206	Sinh học và di truyền	3	
550	NUR305	Sinh lý học	2	
551	PSY306	Sinh lý học hoạt động thần kinh cấp cao	3	
552	BIO467	Sinh tin học	3	
553	ACC442	Sổ sách kế toán và Lập báo cáo tài chính	3	
554	PSY425	Stress và cách ứng phó	3	
555	COE308	Sức bền vật liệu	4	
556	NUR503	Sức khỏe tâm thần trẻ em và trẻ vị thành niên	2	
557	LIT310	Tác phẩm, thể loại và tiến trình văn học	3	
558	FIN418	Tài chính cá nhân	3	
559	FIN435	Tài chính doanh nghiệp	3	
560	FIN449	Tài chính hành vi	3	
561	FIN422	Tài chính quốc tế	3	
562	PSY426	Tâm bệnh học	3	
563	TOU304	Tâm lý du khách	2	
564	NUR421	Tâm lý học	2	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
565	PSY201	Tâm lý học đại cương	3	
566	PSY308	Tâm lý học gia đình	3	
567	PSY428	Tâm lý học lâm sàng	2	
568	PSY311	Tâm lý học nhân cách	3	
569	PSY429	Tâm lý học quản lý	3	
570	PSY444	Tâm lý học quản trị kinh doanh	3	
571	PSY431	Tâm lý học quản trị nhân sự	3	
572	ENG481	Tâm lý học sư phạm	2	
573	PSY448	Tâm lý học thần kinh	3	
574	BIO410	Tế bào học	3	
575	INT431	TH Cơ sở trí tuệ nhân tạo	1	
576	FOT444	TH Công nghệ chế biến thịt và thủy sản	1	
577	NUR431	TH Điều dưỡng cơ bản 2	1	
578	NUR414	TH Dược lý học	1	
579	NUR304	TH Giải phẫu	1	
580	NUR433	TH Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	
581	INT309	TH Kỹ thuật lập trình	2	
582	INT458	TH Lập trình mạng	1	
583	INT437	TH Lập trình trên các thiết bị di động	1	
584	INT439	TH Lập trình web	1	
585	NUR412	TH Miễn dịch học	1	
586	INT488	TH Quản trị mạng và hệ thống	1	
587	NUR306	TH Sinh lý học	1	
588	NUR504	TH Sức khỏe tâm thần trẻ em và trẻ vị thành niên	1	
589	MMC404	TH Thiết kế web	2	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
590	NAS307	TH Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị	1	
591	ECO327	Thẩm định giá bất động sản	3	
592	FIN425	Thẩm định tín dụng	3	
593	PSY453	Tham vấn học đường	3	
594	PSY454	Tham vấn tình yêu, hôn nhân, gia đình	3	
595	ART446	Thanh nhạc 2	3	
596	ART459	Thanh nhạc 4	3	
597	ART461	Thanh nhạc 6	3	
598	FIN424	Thanh toán quốc tế	3	
599	ECO416	Thanh toán trong thương mại điện tử	2	
600	FIN427	Thị trường tài chính	3	
601	GRA423	Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu	3	
602	ENG342	Thiết kế chương trình dạy học	2	
603	GRA421	Thiết kế đồ họa 2D	4	
604	GRA424	Thiết kế đồ họa 3D (Blender, 3Ds Max, Maya)	4	
605	GRA403	Thiết kế đồ họa cơ bản 1 (Photoshop)	3	
606	GRA404	Thiết kế đồ họa cơ bản 2 (Illustrator)	3	
607	MMC423	Thiết kế dự án truyền thông đa phương tiện	2	
608	GRA425	Thiết kế hiệu ứng Game 2D	3	
609	INT4621	Thiết kế mạng	3	
610	TRA307	Thiết kế tour	3	
611	MMC403	Thiết kế web	2	
612	PRO418	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3	
613	ECO504	Thống kê kinh tế	3	
614	NAS203	Thống kê ứng dụng	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
615	ELE429	Thông tin quang	2	
616	CHI430	Thu tín thương mại	3	
617	ART478	Thực hành dàn dựng và biểu diễn âm nhạc	2	
618	FOT455	Thực tập cơ sở	1	
619	INT450	Thực tập cơ sở CNTT	4	
620	ORI402	Thực tập cơ sở Đông phương học	2	
621	ACC433	Thực tập cơ sở kế toán	3	
622	MAN426	Thực tập cơ sở Kinh doanh thương mại	3	
623	ECO324	Thực tập cơ sở Kinh tế	3	
624	MAR426	Thực tập cơ sở Marketing	3	
625	ENG405	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Anh	3	
626	JAP477	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Nhật	2	
627	PUR491	Thực tập cơ sở Quan hệ công chúng	3	
628	MAN424	Thực tập cơ sở Quản trị kinh doanh	3	
629	FIN437	Thực tập cơ sở Tài chính - Ngân hàng	3	
630	ART480	Thực tập cơ sở Thanh nhạc	2	
631	ECO330	Thực tập cơ sở Thương mại điện tử	3	
632	MMC306	Thực tập cơ sở Truyền thông đa phương tiện	3	
633	PSY456	Thực tập cơ sở về tham vấn tâm lý tại trường học	2	
634	ART481	Thực tập cơ sở Piano	2	
635	ART448	Thực tập nghề nghiệp 1 (Thanh nhạc)	2	
636	ART470	Thực tập nghề nghiệp 2 (Piano)	3	
637	ACC423	Thực tập nghề nghiệp Kế toán	3	
638	MAN427	Thực tập nghề nghiệp Kinh doanh thương mại	3	
639	ECO425	Thực tập nghề nghiệp Kinh tế	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
640	LOG409	Thực tập nghề nghiệp Logistics và QLCCU	3	
641	MAR427	Thực tập nghề nghiệp Marketing	3	
642	MAN425	Thực tập nghề nghiệp Quản trị kinh doanh	3	
643	FIN438	Thực tập nghề nghiệp Tài chính - Ngân hàng	3	
644	ECO424	Thực tập nghề nghiệp Thương mại điện tử	3	
645	SOC457	Thực tập nghề nghiệp Xã hội học	2	
646	FIN428	Thuế	3	
647	MAN423	Thương lượng và quản trị xung đột	3	
648	BUS306	Thương mại điện tử	3	
649	ECO313	Thương mại điện tử căn bản	3	
650	BIO315	Tiếng Anh chuyên ngành công nghệ sinh học và thực phẩm	3	
651	INT429	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	3	
652	CTE403	Tiếng Anh chuyên ngành điện ảnh, truyền hình	2	
653	BUS427	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	3	
654	ELE426	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông	3	
655	LAW416	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	3	
656	ART240	Tiếng Anh chuyên ngành nghệ thuật	3	
657	PUR427	Tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ công chúng	3	
658	INR424	Tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ quốc tế	2	
659	HOS305	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Khách sạn	3	
660	HOS427	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị khách sạn và khu du lịch	3	
661	HOS428	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	3	
662	FIN445	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng	3	
663	PSY458	Tiếng Anh chuyên ngành Tâm lý học	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
664	ECO311	Tiếng Anh chuyên ngành TMĐT	3	
665	MMC402	Tiếng Anh chuyên ngành truyền thông đa phương tiện	3	
666	LIT406	Tiếng Anh chuyên ngành Văn học	2	
667	ENG326	Tiếng Anh đọc 1	2	
668	ENG327	Tiếng Anh đọc 2	2	
669	ENG328	Tiếng Anh đọc 3	2	
670	TRA447	Tiếng Anh du lịch 1	3	
671	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1	3	
672	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2	3	
673	ENG335	Tiếng Anh hành chính văn phòng	2	
674	ENG323	Tiếng Anh nghe - nói 1	2	
675	ENG324	Tiếng Anh nghe - nói 2	2	
676	ENG325	Tiếng Anh nghe - nói 3	2	
677	ENG433	Tiếng Anh nghe - nói 4	3	
678	ENG322	Tiếng Anh ngữ pháp	2	
679	ENG435	Tiếng Anh ngữ pháp 2	3	
680	ENG436	Tiếng Anh ngữ pháp 3	3	
681	ENG336	Tiếng Anh thương mại - Intermediate	2	
682	ENG334	Tiếng Anh thương mại - Pre-Intermediate	3	
683	ENG496	Tiếng Anh thương mại - Upper-Intermediate	2	
684	ENG347	Tiếng Anh viết 1	2	
685	ENG329	Tiếng Anh viết 2	2	
686	ENG330	Tiếng Anh viết 3	2	
687	KOR322	Tiếng Hàn bất động sản	2	
688	KOR316	Tiếng Hàn đọc - viết 1	2	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
689	KOR318	Tiếng Hàn đọc - viết 3	2	
690	KOR327	Tiếng Hàn đọc - viết 5	2	
691	KOR328	Tiếng Hàn đọc - viết 6	3	
692	KOR321	Tiếng Hàn du lịch	2	
693	KOR201	Tiếng Hàn giao tiếp 1	3	
694	KOR202	Tiếng Hàn giao tiếp 2	3	
695	KOR455	Tiếng Hàn kinh thương	2	
696	KOR313	Tiếng Hàn nghe - nói 1	2	
697	KOR315	Tiếng Hàn nghe - nói 3	2	
698	KOR329	Tiếng Hàn nghe - nói 5	2	
699	KOR456	Tiếng Hàn nghe - nói nâng cao	3	
700	KOR325	Tiếng Hàn thư tín	2	
701	KOR457	Tiếng Hàn viết luận nâng cao	3	
702	JAP340	Tiếng Nhật đọc - viết 1	2	
703	JAP341	Tiếng Nhật đọc - viết 2	2	
704	JAP342	Tiếng Nhật đọc - viết 3	2	
705	JAP494	Tiếng Nhật đọc - viết nâng cao	3	
706	JAP493	Tiếng Nhật đọc - viết trung cấp	2	
707	JAP201	Tiếng Nhật giao tiếp 1	3	
708	JAP202	Tiếng Nhật giao tiếp 2	3	
709	JAP343	Tiếng Nhật nghe - nói 1	2	
710	JAP344	Tiếng Nhật nghe - nói 2	2	
711	JAP345	Tiếng Nhật nghe - nói 3	2	
712	JAP496	Tiếng Nhật nghe - nói nâng cao	3	
713	JAP495	Tiếng Nhật nghe - nói trung cấp	2	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
714	JAP346	Tiếng Nhật ngữ pháp 1	2	
715	JAP347	Tiếng Nhật ngữ pháp 2	2	
716	JAP348	Tiếng Nhật ngữ pháp 3	2	
717	JAP497	Tiếng Nhật ngữ pháp nâng cao	3	
718	FRE304	Tiếng Pháp tổng hợp 2	3	
719	FRE305	Tiếng Pháp tổng hợp 3	3	
720	FRE515	Tiếng Pháp trong đàm phán thương mại	2	
721	FRE514	Tiếng Pháp trong truyền thông thương mại	2	
722	CHI203	Tiếng Trung giao tiếp 1	3	
723	CHI202	Tiếng Trung giao tiếp 2	3	
724	CHI418	Tiếng Trung Quốc dịch nói 1	3	
725	CHI458	Tiếng Trung Quốc dịch nói 3	3	
726	CHI420	Tiếng Trung Quốc dịch viết 1	3	
727	CHI459	Tiếng Trung Quốc dịch viết 3	3	
728	CHI349	Tiếng Trung Quốc đọc - viết 1	2	
729	CHI462	Tiếng Trung Quốc đọc căn bản	2	
730	CHI345	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 1	2	
731	CHI347	Tiếng Trung Quốc nghe - nói 3	2	
732	CHI341	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	2	
733	CHI343	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	2	
734	CHI337	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	3	
735	CHI466	Tiếng Trung Quốc viết căn bản	2	
736	HOS429	Tiếp thị trong kinh doanh dịch vụ lưu trú	3	
737	TRA427	Tín ngưỡng phong tục và lễ hội Việt Nam	3	
738	LOG418	Tinh gọn chuỗi cung ứng	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
739	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	3	
740	ACC417	Tổ chức bộ máy kế toán	3	
741	TRA428	Tổ chức điều hành tour Inbound và Outbound	3	
742	MMC412	Tổ chức sản xuất chương trình truyền hình	2	
743	INT4301	Tổ chức và quản trị các dịch vụ mạng	3	
744	NAS202	Toán cao cấp	3	
745	NAS310	Toán kỹ thuật	2	
746	NAS306	Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị	2	
747	TOU305	Tổng quan du lịch	2	
748	TRA306	Tổng quan về Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	2	
749	HOS306	Tổng quan về quản trị khách sạn	2	
750	HOS315	Tổng quan về Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	2	
751	BIO312	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
752	BUS308	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
753	ECO306	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
754	ECO309	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
755	FOT446	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
756	INT310	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
757	JAP316	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
758	LAW302	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
759	MAN303	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
760	MAR303	Trải nghiệm ngành, nghề	1	
761	HOS309	Trải nghiệm ngành, nghề 1 QTKS	2	
762	HOS434	Trải nghiệm ngành, nghề 3 QTKS	3	
763	PSY442	Trị liệu hệ thống	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
764	CHI451	Trích giảng văn học Trung Quốc	2	
765	ECO417	Triển khai và ứng dụng TMĐT	3	
766	POL105	Triết học Mác - Lênin	3	
767	PUR490	Trình bày sản phẩm truyền thông	3	
768	ELE321	Trường điện tử	2	
769	MAR432	Truyền thông báo chí	3	
770	MAR433	Truyền thông đa phương tiện	3	
771	PUR441	Truyền thông doanh nghiệp	3	
772	MMC307	Truyền thông số	3	
773	PUR440	Truyền thông số	2	
774	INR414	Truyền thông số trong quan hệ quốc tế	2	
775	BIO501	TTTN Công nghệ sinh học	5	
776	INT551	TTTN Công nghệ thông tin	5	
777	FOT501	TTTN Công nghệ thực phẩm	5	
778	ORI503	TTTN Đông phương học	5	
779	TOU503	TTTN Du lịch	5	
780	ACC523	TTTN Kế toán	5	
781	INT582	TTTN Khoa học máy tính	5	
782	BUS537	TTTN Kinh doanh thương mại	5	
783	ECO510	TTTN Kinh tế	5	
784	ELE439	TTTN Kỹ thuật điện tử - viễn thông	5	
785	INT503	TTTN Kỹ thuật phần mềm	5	
786	LOG501	TTTN Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	5	
787	LAW501	TTTN Luật	5	
788	MAR528	TTTN Marketing	5	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
789	ENG514	TTTN Ngôn ngữ Anh	5	
790	JAP591	TTTN Ngôn ngữ Nhật	5	
791	FRE501	TTTN Ngôn ngữ Pháp	5	
792	CHI535	TTTN Ngôn ngữ Trung Quốc	5	
793	ART502	TTTN Piano	5	
794	PUR520	TTTN Quan hệ công chúng	5	
795	TRA536	TTTN Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	5	
796	HOS535	TTTN Quản trị khách sạn	5	
797	MAN526	TTTN Quản trị kinh doanh	5	
798	HUR513	TTTN Quản trị nhân sự	5	
799	FIN537	TTTN Tài chính - Ngân hàng	5	
800	PSY547	TTTN Tâm lý học	5	
801	ART501	TTTN Thanh nhạc	5	
802	ECO508	TTTN Thương mại điện tử	5	
803	MMC501	TTTN Truyền thông đa phương tiện	5	
804	SOC542	TTTN Xã hội học	5	
805	ECO202	Tư duy phản biện và sáng tạo	3	
806	POL109	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
807	LAW415	Tư vấn luật nâng cao trong khởi nghiệp kinh doanh và Phát triển doanh nghiệp	2	
808	LAW407	Tư vấn pháp lý trong đầu tư và kinh doanh dự án bất động sản nâng cao	2	
809	LAW411	Tư vấn thuế nâng cao trong hoạt động kinh doanh	3	
810	TRA430	Tư vấn và kinh doanh trực tuyến	3	
811	JAP488	Từ vựng học tiếng Nhật	2	
812	CHI448	Từ vựng tiếng Hán hiện đại	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
813	TOU318	Tuyển điểm du lịch	3	
814	TOU306	Ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý du lịch	3	
815	ENG485	Ứng dụng công nghệ trong việc giảng dạy tiếng Anh	3	
816	MMC410	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện	3	
817	MMC425	Ứng dụng đồ họa đa phương tiện nâng cao	3	
818	ACC304	Ứng dụng Excel trong kế toán	3	
819	ACC305	Ứng dụng phần mềm kế toán	3	
820	MAR436	Ứng dụng phân tích dữ liệu lớn trong Marketing	3	
821	ART381	Ứng dụng Piano đệm	2	
822	HOS432	Ứng dụng thương mại điện tử trong kinh doanh lưu trú	3	
823	INR422	Ứng xử trong quan hệ đối ngoại	2	
824	ENG344	Vấn đề toàn cầu	2	
825	SOS102	Văn hiến Việt Nam	3	
826	TOU324	Văn hóa ẩm thực	3	
827	ENG447	Văn hóa Anh	3	
828	ENG534	Văn hóa doanh nghiệp	3	
829	JAP353	Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản	2	
830	ENG448	Văn hóa Mỹ	3	
831	LIT324	Văn học dân gian Việt Nam	2	
832	KOR442	Văn học Hàn Quốc	2	
833	JAP483	Văn học Nhật Bản	2	
834	LIT315	Văn học phương Tây I (từ cổ đại đến hết thế kỷ XVIII)	2	
835	LIT332	Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975	2	
836	LIT328	Văn học Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX	2	
837	SUC419	Vận tải bảo hiểm	3	

STT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
838	CHI450	Văn tự học	3	
839	NAS204	Vật lý đại cương	3	
840	COE304	Vẽ kỹ thuật	3	
841	FOT315	Vệ sinh và an toàn thực phẩm	2	
842	FOT309	Vi sinh thực phẩm	3	
843	PUR425	Viết và biên tập tin	2	
844	SOC429	Xã hội học gia đình	3	
845	SOC430	Xã hội học giáo dục	3	
846	SOC431	Xã hội học giới	3	
847	SOC432	Xã hội học kinh tế	3	
848	SOC438	Xã hội học văn hóa	3	
849	INT4491	Xây dựng chuẩn an toàn thông tin cho doanh nghiệp	3	
850	MAR437	Xây dựng kế hoạch bán hàng	3	
851	MAR430	Xử lý khủng hoảng truyền thông	3	
852	TRA311	Xuất nhập cảnh du lịch	2	
853	NUR422	Y đức	2	

Danh sách gồm 853 học phần./.